

# PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG NUÔI CÁ TRA TỰ PHÁT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Huỳnh Trường Huy<sup>1</sup>, Huỳnh Nhật Phương<sup>1</sup> và Lê Quang Việt<sup>1</sup>

## ABSTRACT

*This study describes a situation of unplanned raising of pangasius for 110 households in An Giang, Dong Thap and Can Tho. As a result, most households have exploited cultivated land for raising pangasius with an average water surface scale of 1.3 ha per household. The reasons of unplanned raising of pangasius are high production efficiency, taking advantages of non used land. The study indicates the determinants of pangasius raising efficiency including quality of fingerlings, water, market information. In addition, the situation of unplanned raising of pangasius is taken place popularly in almost of the Mekong Delta, because above 70% of respondents said that they are willing to pay a fine for unplanned raising of pangasius.*

**Keywords:** household of raising pangasius, unplanned raising

**Title:** Analysis of situation of unplanned raising of pangasius in the Mekong Delta

## TÓM TẮT

*Nghiên cứu này mô tả thực trạng nuôi cá tra tự phát của 110 hộ tại 3 tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ. Kết quả phân tích cho thấy phần lớn hộ nuôi tự phát đã chuyển đổi đất vườn, ruộng sang đào ao nuôi cá với qui mô bình quân 1,3ha/hộ. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng nuôi cá tự phát do hiệu quả sản xuất cao, tận dụng đất của gia đình. Các vấn đề ảnh hưởng đến hiệu quả nuôi cá đó là chất lượng cá giống, nguồn nước, thông tin thị trường. Hơn nữa, tình trạng nuôi cá tự phát diễn ra khá phổ biến ở các tỉnh khảo sát, bởi vì hơn 70% hộ nuôi cá được hỏi sẵn sàng chịu phạt để tiếp tục nuôi.*

**Từ khóa:** hộ nuôi cá, tự phát

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính đến cuối năm 2007, sản lượng cá tra nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.200.000 tấn, đạt kim ngạch xuất khẩu 979 triệu USD, chiếm 23,4% so với xuất khẩu thủy sản của cả nước. Trong những tháng đầu năm 2007, do giá cá tra nguyên liệu tăng đột biến đã dẫn đến diện tích nuôi cá tra toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long chỉ tính tháng 6 năm 2007 đã tăng thêm 1.256 ha so với năm trước và ước đạt sản lượng khoảng 380.489 tấn, khối lượng cá tra xuất khẩu được 173.100 tấn, đạt kim ngạch xuất khẩu 462,4 triệu USD, tăng 32% về lượng và 38,9% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2006 (*Dương Tấn Lộc, 7/8/2007*).

Hiện nay, đồng bằng sông Cửu Long có hơn 70 nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu, công suất 1,5 triệu tấn/năm. Chỉ tại TP. Cần Thơ cũng đã có 15 nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu, công suất chế biến khoảng 400.000 tấn cá tra nguyên liệu. Với xu hướng phát triển của ngành cá tra trong những năm gần đây đã và đang thu hút nhiều đầu tư xây dựng nhà máy chế biến; đặc biệt là nông dân trong vùng đã mạnh dạn chuyển đổi mục đích sử dụng đất cụ thể là chuyển từ hoạt động trồng trọt,

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

chăn nuôi sang đào ao nuôi cá. Bởi vì, thời gian qua cho thấy chỉ qua một vài vụ nuôi, cá tra đã làm một số nông dân ở vùng nông thôn đã trở thành tỉ phú. Nhiều người sẵn sàng phá bỏ những vườn cây ăn trái chuyên canh đã gây dựng hàng chục năm để tiếp tục mở rộng diện tích đào ao nuôi cá.

Qua khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, từ đầu năm 2007 trở lại đây, do tình hình giá cá tra biến động theo chiều hướng có lợi cho người nuôi, ở một số tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, ở An Giang nói riêng đã có nhiều tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tự phát đào ao nuôi cá với quy mô lớn, không theo quy hoạch, không đảm bảo về xử lý môi trường và diện tích nuôi cá đang tăng rất khó kiểm soát, điều này đang đe dọa sự phát triển bền vững của ngành thủy sản.

Trong khi đó chính quyền địa phương các tỉnh chỉ đưa ra những quy định chung chung, không có biện pháp chế tài cụ thể xử phạt trường hợp nào gây ô nhiễm môi trường, mặc dù Luật Bảo vệ môi trường đã quy định rõ những hành vi gây ô nhiễm môi trường phải được phát hiện và xử lý nghiêm khắc. Vì vậy, hiện tượng nuôi cá tra tự phát, không quy hoạch của nông dân tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là ở Đồng Tháp, An Giang và Cần Thơ là vấn đề cần được quan tâm không chỉ đối với nông dân, mà còn đối lãnh đạo các ban ngành. Bởi vì, điều này ảnh hưởng đến tình trạng ô nhiễm môi trường, chất lượng cá nguyên liệu, sự phát triển bền vững của ngành nuôi và chế biến xuất khẩu cá tra của vùng. Cho nên, nghiên cứu này cung cấp một bức tranh về hiện tượng nuôi cá tra tự phát của người dân tại Đồng Tháp, An Giang và Cần Thơ, nhằm làm rõ các mục tiêu cụ thể sau.

## 2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Tìm hiểu nguyên nhân, động cơ đầu tư nuôi cá tra tự phát;
- Xác định mức độ thành công và thất bại của việc nuôi cá tra tự phát;
- Tìm hiểu sự nhận biết và phản ứng của hộ trong việc nuôi cá tra tự phát;
- Xác định biện pháp tránh tổn thất và hướng giải quyết.

## 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1 Thu thập số liệu

- Địa bàn khảo sát: Tiến hành khảo sát các hộ dân nuôi cá tra tự phát, không theo qui hoạch tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Thành Phố Cần Thơ – ba tỉnh có diện tích và sản lượng cá tra dẫn đầu cả vùng. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp 110 hộ dân nuôi cá trong đó Tại Tỉnh An Giang, chọn ra địa bàn Huyện Chợ Mới với tỷ lệ mẫu chiếm 64% tổng số mẫu, kể đến là tại Huyện Lai Vung, Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp chiếm 20% số mẫu, số mẫu còn lại được phỏng vấn trên địa bàn Quận Ô Môn và Thốt Nốt (TP.Cần Thơ). Mẫu được chọn là những hộ mới nuôi cá tra tự phát trong năm 2007 tại 3 tỉnh có diện tích nuôi cá lớn nhất vùng.
- Số liệu được thu thập chủ yếu từ các nguồn sau:

*Số liệu sơ cấp:* thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 110 hộ thông qua bản câu hỏi gồm một số nội dung như: thông tin chung về chủ hộ nuôi cá, qui mô và hình

thức nuôi, nguyên nhân dẫn đến tăng qui mô, hiệu quả nuôi tự phát, nhận biết về chủ trương của nhà nước về quy hoạch nuôi cá tại địa phương.

*Số liệu thứ cấp*: bao gồm các báo cáo kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng nghiên cứu, thông tin liên quan được đăng tải trên mạng internet.

### 3.2 Phương pháp phân tích

- Công cụ phân tích thống kê mô tả, tần số để làm rõ đặc điểm các chỉ tiêu được lựa chọn phân tích nhằm mô tả thực trạng nuôi cá tự phát của nông dân tại 3 tỉnh nói trên.
- Công cụ xếp hạng theo thang đo tăng dần từ 1 đến 5 để đánh giá mức độ dẫn đến việc mở rộng diện tích nuôi tự phát của các hộ nuôi cá tại địa bàn nghiên cứu.

## 4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 4.1 Thực trạng nuôi cá tự phát

#### 4.1.1 Thực trạng nuôi cá không theo qui hoạch tại Đồng bằng sông Cửu Long

Hiện nay, cá tra được nuôi rất phổ biến ở nhiều địa phương không chỉ của vùng đồng bằng sông Cửu Long mà còn ở miền Trung và miền Bắc. Tuy nhiên nghề nuôi cá ở vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn giữ vị trí chủ đạo trong cả nước, chủ yếu là ở các tỉnh như An Giang, Đồng Tháp, và Cần Thơ. Các tỉnh như Vĩnh Long, Tiền Giang và Sóc Trăng cũng phát triển nghề nuôi cá nhưng sản lượng chưa cao. Toàn vùng có diện tích nuôi cá trên 5.000 ha. Trong đó, An Giang là địa phương có diện tích nuôi cá lớn nhất với 1.400 ha, Đồng Tháp trên 1.000 ha và Cần Thơ khoảng 1.067 ha (*Nguồn: Báo Tuổi trẻ 24/07/2007*).

Nếu như trước năm 2002 người dân Đồng bằng sông Cửu Long chú trọng đến số lượng con cá thì hiện nay họ đã chú trọng đến năng suất và chất lượng. Đáng chú ý là số lượng nuôi cá ba sa đang bị thu hẹp để nhường chỗ cho cá tra. Đơn cử tại An Giang, tỉnh có diện tích nuôi lớn nhất trong vùng, số lượng bè từ 2.000 chiếc đã giảm xuống còn khoảng 900 bè. Việc tăng nhanh diện tích cá tra nuôi hàm làm cho cá ba sa gần như bị loại khỏi trên thị trường xuất khẩu. Nếu như năm 2002 tỷ trọng nguyên liệu cá ba sa chiếm đến 28% thì hiện nay chỉ còn khoảng 0,5%. Đây là hướng chuyển đổi tất yếu khi giá thành cá ba sa cao, biên độ lợi nhuận giảm, trong khi giá mua vào không chênh lệch mấy so với cá tra.

Hiện tại, thị trường tiêu thụ cá tra vẫn rất khả quan do thị trường Nga, Đông Âu tăng mạnh. Do vậy giá cá tra vẫn đứng ở mức cao. Giá cá tra nguyên liệu cao nhất hiện nay đạt 17.000 đ/kg. Mức giá cao đột biến như trên là do cuối năm 2005, đầu năm 2006 đã diễn ra khủng hoảng thừa cá tra cá ba sa, giá cá giảm mạnh dưới 11.000 đ/kg. Điều này đã tác động lớn đến nguồn cung và khiến người nông dân không dám đầu tư nuôi mạnh trở lại, diện tích và sản lượng vì thế có giảm sút; tuy nhiên, trong năm 2005 sản lượng cá vẫn đạt 380.000 tấn. Sau cuộc khủng hoảng này thì thị trường cũng dần bình ổn và giá cá đã có sự gia tăng trở lại làm cho sản lượng cá cũng tăng dần tính đến cuối năm 2006 đạt gần 500.000 tấn với diện tích nuôi toàn vùng đạt gần 5.000 ha (*Nguồn: Bộ Thủy Sản, 2007*).

Với mức giá như hiện nay, tình trạng người dân đổ xô mua đất, thuê đất đào hầm, ao thả cá tra, cá ba sa ào ạt, điều này dự báo tình trạng khủng hoảng thừa nguyên liệu sẽ lặp lại và giá cá lại giảm xuống là điều hiển nhiên. Bên cạnh những tổn thất kinh tế xảy ra theo chu kỳ này thì tình trạng đào ao nuôi cá của người dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng đã mang lại nhiều tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên mà quan trọng nhất là nguồn nước. Theo Chi cục Bảo vệ môi trường khu vực Tây Nam Bộ, chất thải từ nuôi cá tra và cá ba sa bình quân trên 2 triệu tấn/năm. Các chất này là do thức ăn dư thừa, thối rữa bị phân hủy, các chất tồn dư trong sử dụng hóa chất, thuốc kháng sinh, vôi... tạo thành chất độc trong môi trường nước. Những chất thải này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sinh hoạt của con người và làm mất cân bằng sinh thái trong nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, mặt trái của sự phát triển nóng của nghề nuôi cá tra cũng đã tạo nên một chuỗi nguy cơ, luôn đe dọa sự phát triển ổn định và bền vững. Bắt đầu từ việc sản xuất tự phát, vừa gây mất ổn định cung cầu vừa phá vỡ quy hoạch, làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái dẫn đến chất lượng sản phẩm không đảm bảo. Thị trường xuất khẩu sẽ dần thu hẹp do các chính sách nghiêm ngặt trong vệ sinh an toàn thực phẩm. Không tiêu thụ được, giá cả vì thế sụt giảm, mất khả năng đầu tư cuối cùng dẫn đến tình cảnh hàng chục ngàn hộ sản xuất, hàng trăm ngàn lao động sẽ đứng trước nguy cơ thua lỗ, mất việc làm, nợ nần chồng chất... gián tiếp ảnh hưởng trở lại nền kinh tế.

4.1.2 Thực trạng nuôi cá không theo qui hoạch tại địa bàn khảo sát

Theo số liệu khảo sát cho thấy đối tượng được phỏng vấn chủ yếu là nam giới, chiếm 90% trong số 110 được hỏi tại vùng nghiên cứu, phần lớn người nuôi cá tự phát mới tham gia ngành khoảng 3 năm, trong đó có một số hộ đã nuôi cá hơn 10 năm. Tuy nhiên, do đặc điểm của hộ được khảo sát là những hộ nuôi tự phát khi mà giá cá tăng đột biến trong những năm gần đây, do đó số năm kinh nghiệm của họ tương đối thấp, thực tế thì nghề nuôi cá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xuất hiện hơn 50 năm.

4.1.3 Hiện trạng nuôi cá tra tự phát tại vùng nghiên cứu

**- Hình thức nuôi cá tự phát**

Theo thống kê của ngành thủy sản, tính đến tháng 6 năm 2007 toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 5.000 ha mặt nước nuôi cá tra, vượt gần 2.500 ha so với cuối năm 2006. Tuy nhiên, diện tích và số lồng bè nuôi có giảm thay vào đó là người dân đào ao nuôi vì có nhiều thuận lợi và chi phí lại thấp hơn so với nuôi bè. Kết quả khảo sát 110 hộ nuôi cá tự phát cho thấy hình thức nuôi cá chủ yếu là đào ao từ đất ruộng.

**Bảng 1: Hình thức nuôi cá tra hiện nay**

Hình thức	Tỷ trọng	Xếp hạng
Đào ao từ đất ruộng	61,3	1
Đào ao từ đất vườn	29,7	2
Ao tự nhiên	7,2	3
Nuôi đăng quảng	1,8	4

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007

Số liệu phân tích cho thấy phần lớn các hầm nuôi cá tra được người dân đào từ đất ruộng là chủ yếu, tỷ lệ này chiếm đến 61,3%; kế đến là ao đào từ đất vườn chiếm 29,7%. Việc sử dụng các ao tự nhiên và nuôi đặng quảng ven sông rất ít. Điều này được giải thích là do những năm gần đây nông dân bị thất thu do các dịch bệnh hoành hành, nông dân mất mùa, làm ăn không hiệu quả. Đất vườn thì không còn đủ độ màu mỡ do con người khai thác quá mức, dịch bệnh lan nhanh, cây trái cần cỗi không mang lại thu nhập cho người dân. Khi mảnh đất không mang lại hiệu quả kinh tế nữa thì người dân chuyển đổi hình thức sử dụng là điều đương nhiên khi việc nuôi cá có thể giúp nông dân đổi đời, mang lại cuộc sống sung túc cho gia đình họ.

**Diện tích và nguồn vốn nuôi cá tự phát**

Kết quả khảo sát cho thấy diện tích đất trung bình mỗi hộ nuôi cá khoảng gần 13.000 m<sup>2</sup>. Trong những năm qua các hộ nuôi cá trong vùng không ngừng tăng diện tích ao nuôi để mở rộng qui mô, trung bình diện tích đất đào ao nuôi cá có tăng qua 3 năm khảo sát, tuy nhiên mức độ tăng của đất thuê để đào ao nuôi cá nhanh hơn so với tỷ lệ tăng diện tích đất nhà, trung bình có 35% hộ tăng diện tích ao nuôi.

**Bảng 2: Qui mô nuôi cá tra tự phát**

Diện tích nuôi	Tỷ trọng	Diện tích trung bình	Nguồn vốn	Cơ cấu vốn	
				Tự có	Vốn vay
ĐVT	(%)	(1.000m <sup>2</sup> )	Triệu đồng	%	%
Từ 1 - 10 công	70,2	3,96	709,5	72,88	27,12
Từ 10 - 20 công	11,5	16,25	2.035,0	60,44	39,56
Từ 20 – 30 công	7,7	26,88	1.083,3	70,65	29,35
Trên 30 công	10,6	62,62	4.447,0	65,14	34,86
Trung bình	x	12,99	1.218,4	69,64	30,36

*Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007*

Khi phân tích qui mô nuôi cá theo tiêu chí diện tích và nguồn vốn cho thấy, phần lớn những hộ nuôi cá tự phát có qui mô tương đối nhỏ, có đến hơn 70% hộ được khảo sát có diện tích nuôi bình quân gần 4.000m<sup>2</sup>, với diện tích nuôi này thì họ phải đầu tư bình quân hơn 700 triệu đồng, trong đó, vốn vay chiếm gần 30%. Tuy nhiên, từ bảng 2 cho thấy tại sao những hộ có diện tích nuôi từ 20-30 công chỉ cần nguồn vốn khoảng 1 tỷ đồng; bởi vì, theo kết quả khảo sát trường hợp này là 6 hộ nuôi, ương cá giống cho nên họ không phải đầu tư nhiều vốn cho khâu thức ăn như những hộ nuôi cá thịt. Nhìn chung, những hộ nuôi cá phải đầu tư bình quân 100 triệu đồng/1.000m<sup>2</sup>, trong đó nguồn vốn vay chỉ chiếm 30,36%.

Khi được hỏi nguyên nhân tăng diện tích nuôi cá tự phát, hơn 77% trong số họ cho rằng lợi nhuận là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến quyết định đầu tư; kế đến là tận dụng đất sản xuất không hiệu quả (chiếm 55,6%); yếu tố thứ ba đó là tận dụng lao động và vốn trong gia đình để mở rộng qui mô nuôi cá; trong khi đó, giá cá tăng và làm theo phong trào là hai yếu tố cuối cùng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư; bởi

vì, phần lớn người sản xuất quan tâm nhiều hơn về lợi nhuận, còn giá cá chỉ là một trong những yếu tố tác động đến lợi nhuận, ngoài chi phí.

**Bảng 3: Nguyên nhân mở rộng diện tích nuôi cá** **ĐVT: %**

Nguyên nhân	Xếp hạng ưu tiên				
	1	2	3	4	5
Tận dụng đất trống	22,2	55,6	11,1	-	11,1
Giá cá tăng	-	-	11,1	77,8	11,1
Lợi nhuận cao	77,8	22,2	-	-	-
Tận dụng vốn, lao động gia đình	-	22,2	66,7	11,1	-
Làm theo phong trào	-	-	11,1	11,1	77,8

*Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007*

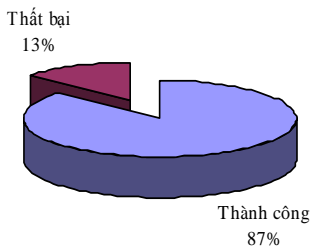
Tuy nhiên, để đạt được lợi nhuận đó thì việc mở rộng diện tích ao nuôi cũng gặp phải vấn đề nguồn tài nguyên đất sẵn có. Do đó đối với các hộ có được lợi thế này thì việc mở rộng là tất yếu để vừa tận dụng được diện tích đất trống vừa mang lại lợi nhuận nhiều hơn. Bảng 3 cho thấy yếu tố lợi nhuận và tận dụng diện tích đất trống là hai động cơ lớn thúc đẩy việc mở rộng diện tích ao nuôi. Nguyên nhân kể đến được đánh giá là quan trọng trong việc mở rộng diện tích là để tận dụng vốn và lao động sẵn có của gia đình. Nguyên nhân mở rộng do phong trào trong xóm là nguyên nhân được đánh giá kém quan trọng nhất vì lẽ không phải người dân thấy hàng xóm mở rộng diện tích ao nuôi thì ao của mình cũng có thể mở rộng được mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố mà quan trọng nhất là hiệu quả kinh tế của nó. Kết quả khảo sát này mới nhìn vào thì dường như đi ngược lại với cái mà hiện nay các phương tiện thông tin thường gọi là “nuôi cá theo phong trào”; tuy nhiên, thực tế cho thấy nếu như các hộ nuôi cá mà không thu được lợi nhuận lớn thì không hình thành nên phong trào nuôi cá như hiện nay. Suy cho cùng thì mục đích chính yếu nhất cũng chỉ là lợi nhuận, và việc chạy theo lợi nhuận này cũng phù hợp với qui luật kinh tế thị trường. Vì vậy phong trào nuôi cá chỉ là một hiện tượng phản ánh thực trạng này mà thôi.

#### 4.2 Nhận định về thực trạng nuôi cá tra tự phát

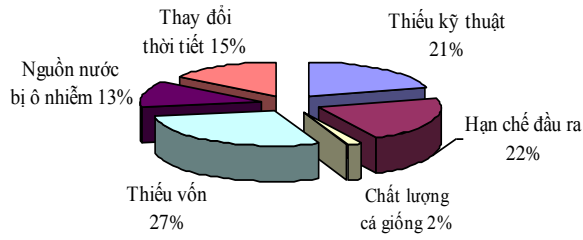
Một trong những yếu tố quan trọng thu hút người dân đầu tư mở rộng qui mô hoặc nuôi tự phát là hiệu quả sản xuất từ cá tra mang lại khá lớn. Theo tính toán của Bộ Thủy sản trước đây, việc nuôi cá tra ở các cồn trên sông đạt hiệu quả cao nhất như các địa phương thuộc An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ cho năng suất rất cao, trung bình đạt 300 tấn/ha/năm, cá biệt có nơi đạt 1.000tấn/ha/năm; trong khi đó, khi năng suất nuôi cá tra ao hầm chỉ đạt bình quân 132,8 tấn/ha/năm tại An Giang, 30-40 tấn/ha/năm tại Đồng Tháp...(www.fistenet.gov.vn). Vì vậy, thời gian gần đây, nhiều người dân đổ xô đầu tư nuôi cá tra tại các cù lao, cồn dọc theo sông Hậu, với xu thế phát triển tự phát đến năm 2010, diện tích nuôi cá tra sẽ đạt 10.200 ha, trong đó, nuôi ở các cồn trên sông sẽ là 1.840 ha với tổng sản lượng trên 800.000 tấn. theo dự báo qui hoạch của Phân viện Qui hoạch thủy sản phía Nam.

Hình 2 trình bày các nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của việc nuôi cá tự phát; trong đó, thiếu vốn, đầu ra và kỹ thuật là ba nguyên nhân chính. Bởi vì, vừa qua sản phẩm cá tra xuất khẩu của các doanh nghiệp trong vùng bị kiểm ra chặt chẽ về chất lượng vệ sinh thực phẩm, kháng sinh dẫn đến hoạt động xuất khẩu bị chậm lại

nên việc tiêu thụ của người dân gặp khó khăn; thứ nhất, phải đầu tư thêm thức ăn, cần thêm vốn đầu tư, thứ hai, kích cỡ cá lớn ảnh hưởng đến giá cả.



**Hình 1.** Tỷ lệ thành công và thất bại nuôi cá tự phát (%)  
 Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007



**Hình 2.** Phân phối nguyên nhân thất bại (%)  
 Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007

Hơn nữa, do phong trào nuôi cá tự phát ngày càng tăng nên chất lượng nguồn nước ô nhiễm ngày càng trầm trọng. Theo PGs.Ts. Nguyễn Thanh Phương<sup>1</sup>, 1 ha nuôi cá tra, sản lượng 300- 400 tấn/ha cần lượng thức ăn 450- 600 tấn, trong khi đó, 1 ha nuôi tôm sú tiêu thụ 7,5 tấn thức ăn/vụ. Do đó, lượng chất thải từ nuôi cá tra, basa thải ra môi trường rất lớn, có thể gấp 70- 80 lần so với nuôi tôm sú. Bên cạnh đó, việc mở rộng cho tư nhân tự do sản xuất giống trong khi Nhà nước không quản lý được cá giống bố mẹ, dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, làm ăn gian dối, chất lượng giống không đảm bảo, gây thiệt hại cho nhiều hộ nuôi cá do tỷ lệ hao hụt trên số lượng cá nuôi thả cao hay cá chết hàng loạt do dịch bệnh vàng da và nhiều loại bệnh khác. Đồng thời, điều kiện tự nhiên cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ cá bệnh chết như mùa nước lũ và gió bắc hàng năm.

Qua khảo sát và phân tích thực trạng nuôi cá tự phát ở các địa phương tại An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ, chúng ta có thể rút ra bài học kinh nghiệm sau:

- Đối với người nuôi cá

**Chất lượng cá giống:** do tình trạng đồ xô nuôi cá nguyên liệu nên các hộ nuôi, ương cá giống mọc lên ồ ạt tại các địa phương, nhưng chất lượng lại không đảm bảo do chẳng biết nguồn gốc cá giống lấy từ đâu. Bởi vì, nếu cá giống tốt, trong quá trình tỷ lệ hao hụt khoảng 30 đến 40%; còn nếu gặp giống “kém” thì tỉ lệ chết lên đến 60%, thậm chí nhiều hơn dẫn đến bị lỗ.

Chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường là yếu tố quyết định thị trường đầu ra của cá tra. Tuy nhiên, hiện nay từ khâu ương giống đến chế biến xuất khẩu có một khoảng cách làm cho con cá tra thiếu đi sức mạnh cạnh tranh, thiếu sự ổn định và phát triển bền vững trên thị trường thế giới. Vì vậy, việc thu hút người nuôi cá tham gia thực hiện qui trình nuôi cá “sạch” và xử lý nước thải trước khi thải ngay sông là điều cần thiết hiện nay. Trường hợp ở Thới Thuận, huyện Thốt Nốt chỉ có khoảng 30 hộ nuôi có ao lắng để xử lí bùn đáy ao và 70 hộ còn lại đều đưa nước thải trực tiếp ra kênh rạch, sông (VOV, ngày 5/8/2007).

Do đặc điểm của hàng hoá nông thủy sản là theo sau yếu tố thị trường một chu kỳ sản xuất, cho nên tình trạng người dân đồ xô đào ao nuôi cá tự phát khi giá cá tăng

<sup>1</sup> Trường khoa thủy sản, trường Đại học Cần Thơ

đột biến sẽ dễ gặp rủi ro do trúng mùa rớt giá, cũng như ảnh hưởng dịch bệnh khi nguồn nước bị ô nhiễm.

Việc nắm bắt thông tin thị trường và kỹ thuật là rất cần thiết đối với những người mới vào nghề.

– Đối với cơ quan quản lý

Sự liên kết giữa các nhà máy và các cơ quan quản lý Nhà nước chưa chặt chẽ để cùng bàn bạc với hộ nuôi cá tra có hợp đồng thực sự, thực hiện chế tài xử lý chưa rõ ràng đối với hộ nuôi tự phát, không theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành thủy sản về điều kiện sản xuất, kinh doanh thủy sản. Ông Nguyễn Minh Thông<sup>1</sup> cho biết: “Hiện tượng này xảy ra do địa phương quản lý không chặt, để người dân tự tiện đào ao nuôi cá”.

Cách làm qui hoạch của Bộ Thủy sản trước đây không sát thực tế địa phương trong khi qui hoạch của địa phương phải liên tục thay đổi theo tình hình thực tế. Do vậy có thể nói chắc chắn qui hoạch thủy sản của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long sẽ bị phá vỡ một khi Bộ Thủy sản công bố qui hoạch vùng.

Tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm do nuôi cá tra như hiện nay, nếu các ngành chức năng không can thiệp thì khoảng 3 năm nữa người dân không còn nuôi được cá tra, vì nguồn nước đã bị ô nhiễm quá nặng; đồng thời, thiếu quản lý và kiểm soát quá trình nuôi dẫn đến chất lượng cá nguyên liệu không đảm bảo tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu

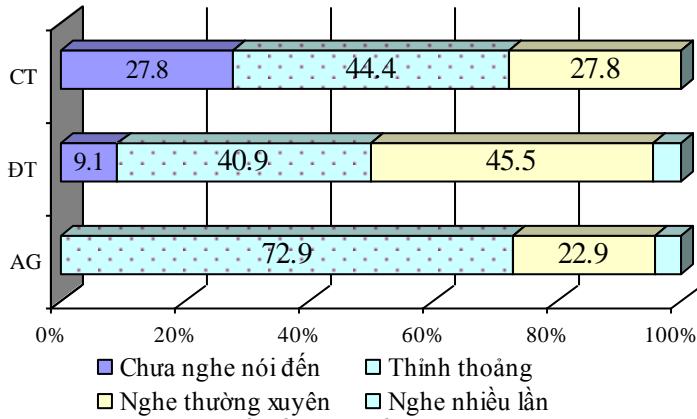
### **4.3 Phân tích sự nhận biết và phản ứng của hộ nuôi cá tự phát**

Mặc dù, các cơ quan ban ngành địa phương đã tuyên truyền về việc tăng cường quản lý hoạt động nuôi thủy sản của địa phương, nhưng mức độ nhận biết của người dân nuôi cá còn hạn chế, cũng có trường hợp người dân biết việc đào ao nuôi cá bị cấm nhưng vì lợi ích kinh tế thì họ sẵn sàng nộp phạt khi bị chính quyền địa phương phát hiện. Theo kết quả khảo sát cho thấy hơn 60 trong số 110 chủ hộ được hỏi cho rằng họ thỉnh thoảng hoặc chưa từng nghe nói đến chỉ thị hạn chế đào ao nuôi cá, chỉ có khoảng 30 những người được hỏi có nghe nói thường xuyên về chủ trương quản lý của Nhà nước.

Khi phân tích về mức độ nhận biết về chủ trương hạn chế thực trạng nuôi cá tự phát của người dân tại các tỉnh cho thấy tỷ lệ mức độ nhận biết của người nuôi cá ở An Giang, Đồng Tháp khá cao so với Cần Thơ. Hầu như những người nuôi cá được hỏi ở hai địa phương này đều có biết đến chủ trương hạn chế nuôi cá tự phát trong thời gian qua. Điều này có thể được giải thích bởi vì ở An Giang và Đồng Tháp có chỉ thị cấm đào ao nuôi cá hoặc cấm mua bán đất để đào ao nuôi cá tự phát của tỉnh. Chính sự can thiệp mạnh của chính quyền nên đã tác động sự nhận biết cũng như quyết định đầu tư của người nuôi cá. Trong khi đó, gần 30% trong số những người nuôi cá được hỏi ở Cần Thơ hầu như chưa từng nghe nói đến việc hạn chế hoặc cấm đào ao nuôi cá của các cấp chính quyền.

<sup>1</sup> Chi cục Phó Chi cục Thủy sản TP Cần Thơ

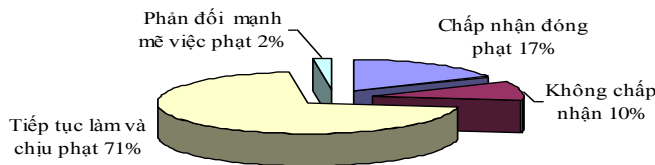




**Hình 3.** Phân phối về nhận biết quy hoạch nuôi cá phân theo tỉnh (%)

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007

Khi được hỏi nếu như việc nuôi cá tự phát bị chính quyền địa phương phạt hành chính thì phản ứng của người nuôi cá thế nào? Hình 4 bên dưới trình bày mức độ phản ứng của người nuôi cá tạo vùng nghiên cứu cho thấy có đến 71 trong số 110 người được hỏi sẵn sàng chịu phạt và tiếp tục đào ao nuôi cá (hầu hết là những hộ ở An Giang); bởi vì, họ cho rằng chính quyền chỉ phạt tiền và họ có thể tiếp tục nuôi chứ không cấm tuyệt đối, trong khi đó lợi nhuận thu được cao gấp hàng trăm lần so với số tiền phạt. Tuy nhiên, đối với một số hộ nuôi qui mô nhỏ thì cho rằng việc phạt là vô lý bởi vì họ có quyền quyết định sản xuất trên đất đai của họ và không chịu đóng phạt, tỷ lệ này chỉ chiếm 12 trong số những người được hỏi chủ yếu ở Cần Thơ.



**Hình 4.** Phân phối về mức độ phản ứng khi bị phạt (%)

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2007

Từ kết quả phân tích cũng cho thấy, có đến 61,8% trong số những hộ được hỏi đã bị phạt một lần, hầu hết là các hộ nuôi cá ở An Giang do việc chính quyền địa phương quản lý và kiểm soát chặt chẽ tình trạng nuôi cá tự phát; trong khi đó, ở Đồng Tháp và Cần Thơ cũng có chỉ thị hạn chế nuôi cá tự phát, nhưng chưa có trường hợp nào trong địa bàn nghiên cứu này bị chế tài nộp phạt.

**4.4 Các biện pháp tránh tổn thất và hướng giải quyết vấn đề**

Từ kết quả phân tích và thông tin đề xuất của người nuôi cá tự phát tại vùng nghiên cứu cho thấy, hiện trạng nuôi cá tra tự phát sẽ dễ dàng dẫn đến một số tổn thất về mặt kinh tế cũng môi trường trong dài hạn như đã phân tích và nhận định của các cơ quan chức năng trong vùng. Vì vậy, việc đề xuất các biện pháp nhằm góp phần giảm thiệt hại do phong trào nuôi cá tự phát tại An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ là cần thiết và nên tập trung vào các vấn đề sau:

- Tiến hành khảo sát và quy hoạch vùng nuôi cá để phổ biến rộng rãi cho người dân nắm để thực hiện cũng như thực hiện công tác quản lý, kiểm soát thường xuyên và có chế tài xử lý nghiêm đối với những hộ nuôi tự phát như An Giang đã thực hiện.
- Chi cục thủy sản cần quan tâm quản lý và cung cấp thông tin về nguồn cá giống sạch bệnh cũng như quy trình nuôi ươm cá bột nhằm góp phần cung cấp nguồn cá giống tốt cho người nuôi.
- Các cơ quan ban ngành tiếp tục thực hiện vận động người dân tham gia khóa tập huấn về quy trình nuôi cá sạch, chất lượng theo tiêu chuẩn SQF 1000 như Hiệp hội sản xuất cá tra tỉnh An Giang đã thực hiện trong thời gian qua.
- Tăng cường tổ chức những buổi thảo luận giữa người nuôi cá và các nhà khoa học về vấn đề môi trường và tác hại của ô nhiễm môi trường đến việc nuôi cá nhằm nâng cao nhận thức của người nuôi đối với xử lý nước thải ra sông.

## 5 KẾT LUẬN

Qua kết quả khảo sát, phân tích cũng như thông tin từ các phương tiện truyền thông về thực trạng nuôi cá tra tự phát tại ba tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ, chúng ta có thể đưa ra một số kết luận sau:

- Phong trào nuôi cá tra tự phát phát triển mạnh từ những tháng đầu năm 2007 khi mà giá cá tra tăng lên đến 17.000 đồng/kg. Bởi vì, giá cá tăng làm cho lợi nhuận của người nuôi cá tăng lên đáng kể với qui mô vài trăm tấn. Đây là yếu tố đầu tư thúc đẩy người dân mở rộng diện tích đầu tư nuôi cá (chiếm 81% trong số 110 người được hỏi).
- Mặc dù nuôi tự phát, nhưng tỷ lệ thành công của họ khá cao; bởi vì, có đến 87% trong số 110 người được hỏi cho rằng họ thành công khi nuôi cá. Chỉ có 13% là thất bại do những các nguyên nhân sau: thiếu vốn đầu tư thức ăn, thị trường xuất khẩu bị chậm lại do vấn đề dư lượng kháng sinh, thời tiết...
- Nhìn chung, chính quyền các địa phương có các chỉ thị can thiệp nhằm hạn chế thực trạng nuôi cá tra tự phát của người dân. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy, mức độ tiếp cận thông tin về chính sách của Nhà nước liên quan đến việc nuôi cá còn hạn chế. Cho nên, có đến 71% trong số 110 người nuôi cá được hỏi chấp nhận chịu phạt để tiếp tục nuôi bởi vì lợi ích kinh tế lớn hơn rất nhiều lần.
- Một số đề xuất từ người nuôi cá tại vùng nghiên cứu và nhận định của các cơ quan ban ngành cho thấy để góp phần hạn chế tổn thất do phong trào nuôi cá tra tự phát, cần tập trung vào một số vấn đề sau: quy hoạch vùng nuôi theo từng địa phương dựa trên nhu cầu thực tế, quản lý và thông tin cá giống, hướng dẫn thực hiện quy trình nuôi cá theo tiêu chuẩn SQF 1000, xử lý nước thải ra môi trường và sử dụng kháng sinh trong quá trình nuôi cá.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo Cần Thơ, “Không nên nuôi cá tra tự phát ở các cồn xung quanh thành phố”, ngày phát hành 12/04/2007.

\_\_\_\_\_, “Phát triển nghề nuôi cá tra ở TP Cần Thơ: Làm gì để khắc phục ô nhiễm môi trường nước?” ngày phát hành 20/07/2007.

- \_\_\_\_\_, “ Sản xuất không bền vững: Hệ lụy khó tránh!”, ngày phát tin 19/01/2007
- \_\_\_\_\_, “Làm gì để bình ổn thị trường cá tra ở ĐBSCL?”, ngày phát tin 29/06/2007
- Báo Tuổi trẻ, “Nuôi thủy sản ở ĐBSCL: loay quay phát triển”, ngày phát hành 24/07/2007.  
Có thể xem online tại: [http://vietnamgateway.org:100/vietnamese/nong\\_nghiep](http://vietnamgateway.org:100/vietnamese/nong_nghiep)
- Báo Sài Gòn Giải Phóng, “ Nguyên liệu cá tra, cá ba sa ở ĐBSCL: Bao giờ kiểm soát được”, ngày phát tin 17/04/2006.
- Dương Tấn Lộc, (2007). “Để sản phẩm cá tra Việt Nam luôn được tín nhiệm” có thể xem online tại: <http://www.vietlinh.com.vn/>
- Đài Tiếng nói Việt Nam, “Sông Tiền, sông Hậu oằn mình gánh chịu ô nhiễm”, ngày phát tin 05/08/2007. Có thể xem online tại:  
[http://www.nea.gov.vn/Sukien\\_Noibat/Tinkhac/Thang%208-2007/tin5.htm](http://www.nea.gov.vn/Sukien_Noibat/Tinkhac/Thang%208-2007/tin5.htm)
- Trung tâm tin học thủy sản, “Nuôi cá tra ở các cồn trên sông đạt hiệu quả cao nhất”, 2006.  
Có thể xem online tại: <http://www.fistenet.gov.vn/details.asp>
- \_\_\_\_\_, “Đào hầm nuôi cá tra - cần theo qui hoạch phát triển bền vững”, 2007. Có thể xem online tại: <http://www.fistenet.gov.vn/details.asp>
- Sở Nông Nghiệp An Giang, “ Cá tra tăng trưởng nhanh: Chưa hẳn đã mừng, còn nhiều lo hơn”, ngày phát tin 12/08/2007